

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2019/DS-PT

Ngày: 15 - 11 - 2019

V/v “*Tranh chấp quyền
sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr.

Các thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường.

Bà Trần Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 202/2019/TLPT-DS ngày 07/11/2019 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2019/DS-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng bị kháng cáo, bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2019/QĐ-PT ngày 01/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Nhật K – sinh năm 1939 (Có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lại Huy C, bà Nguyễn Thị T – Đều có mặt;

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Ông Hoàng Văn H – Có mặt; Địa chỉ: Đường H, thành phố M, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: đường Đ, thành phố M, tỉnh Đắk Lắk;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

3.1 Bà Hồ Thị H1 - vắng mặt;

Người đại diện theo uỷ quyền là ông Phạm Nhật K (Có đơn xin xét xử vắng mặt); Cùng địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

3.2 Ông Chung Văn C1, bà Lương Thị N – Đều vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

3.3 Ông Nguyễn Văn T1 – Có mặt;

Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk- vắng mặt;

3.4 Ông Lê Đình K1, bà Đỗ Thị N2 – Điều vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

3.5 Bà Trương Thị N3 – Có mặt;

Địa chỉ: đường H, thành phố M, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: đường Đ, thành phố M, tỉnh Đắk Lắk;

Người kháng cáo, kháng nghị: Ông Phạm Nhật K, ông Hoàng Văn H, bà Trương Thị N3 và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phạm Nhật K trình bày:**

Không nhớ thời gian cụ thể, trước đây ông có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T2 thửa đất có diện tích $10.400m^2$, địa chỉ thửa đất thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2001, thì ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 519653, thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 50. Năm 2004, ông chuyển nhượng cho ông Lại Huy C, bà Nguyễn Thị T, ông Hoàng Văn H một phần diện tích của thửa đất nói trên. Diện tích đất chuyển nhượng là $840m^2$ ($20m \times 42m$). Vị trí diện tích đất chuyển nhượng là ngã ba đường liên xã và đường liên thôn, tứ cận: Đông giáp đất còn lại của ông K, rộng 20m; Tây giáp đường liên xã, rộng 20m; Nam giáp đất còn lại của ông K, dài 42m; Bắc giáp đường liên thôn dài 42. Các bên không tiến hành bàn giao thực địa, nhưng ông C đã làm nhà tạm. Đến năm 2014, các bên mới tiến hành bàn giao thì ông phát hiện con đường liên thôn mở rộng, ông C, bà T xây nhà lù vào phần đất của ông. Do vậy, ông đã khiếu nại lên UBND xã E, huyện K giải quyết. Mặc dù ông đang khiếu nại nhưng ông C, bà T, ông H vẫn phá nhà tạm, làm nhà mới lấn sang phần đất còn lại của ông với tổng diện tích $76,2m^2$ ($1,6m \times 42m$). Việc tranh chấp đã được cấp cơ sở hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông Lại Huy C, bà Nguyễn Thị T, ông Hoàng Văn H trả phần đất có diện tích $76,2m^2$ ($1,6m \times 42m$).

Mặt khác, vào năm 2012 số diện tích còn lại thì ông K đã sang nhượng hết cho ông Nguyễn Văn T1.

*** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lại Huy C, ông Hoàng Văn H trình bày:**

Gia đình các ông nhận chuyển nhượng của ông K thửa đất có diện tích, kích thước, vị trí và tứ cận như ông K trình bày. Các ông đã xây dựng công trình đúng diện tích, vị trí đất đã nhận chuyển nhượng từ ông K. Khi bàn giao đất có đầy đủ các bên, kể cả ông K và Ban tự quản thôn, cán bộ địa chính xã cầm mốc, khi xây dựng công trình ông K có biết nhưng không có ý kiến gì, nay do thiếu diện tích đất bán cho ông Nguyễn Văn T1 nên cho rằng chúng tôi lấn chiếm là không đúng. Do đó, chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K.

*** Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có ý kiến:**

- Ông Chung Văn C1 và bà Lương Thị N trình bày: Giáp ranh thửa đất của ông bà với thửa đất của ông K đã xây dựng tường rào kiên cố từ lâu, các bên không

có tranh chấp. Tranh chấp giữa ông K với ông C, bà T, ông H, bà N3 không có liên quan đến ông bà nên ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- **Ông Lê Đình K1 trình bày:** Gia đình ông có thửa đất giáp ranh với thửa đất của ông K. Ông đã xây nhà trước khi ông C, ông H xây. Ông không có tranh chấp gì với ông K, vì vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- **Ông Nguyễn Văn T1 trình bày:** Hiện nay, ông đang quản lý, sử dụng thửa đất của ông K còn lại sau khi chuyển nhượng cho ông C và ông H. Tranh chấp giữa các bên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông K thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu ông C, bà T, ông H và bà N trả phần đất có diện tích $63m^2$ ($1,5m \times 42m$). Ông C, bà T, ông H, bà N3 không đồng ý mà cho rằng con đường liên thôn được mở rộng ra hai phía (Mỗi bên 1m) chứ không phải mở rộng về phía đất của các ông bà và các bên thống nhất lấy mép tường nhà PT đo mốc giới con đường là 09m và khẳng định mép bên kia của con đường đã được cố định bằng tường rào nhà ông PT.

Tại biên bản xác minh ngày 07 tháng 03 năm 2019, Ủy ban nhân dân xã E (BL 305) cung cấp: Năm 2004, con đường liên thôn tiếp giáp với thửa đất của ông C, bà T rộng 6m. Hiện nay, con đường đã mở rộng 8m, còn quy hoạch 6,1m.

Tại trích lục bản đồ địa chính ngày 18 tháng 9 năm 2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K (BL 122) thể hiện: Con đường liên thôn tiếp giáp với thửa đất ông C, bà T một đầu rộng 6,16m; một đầu rộng, 4,10m; cạnh tiếp giáp đường liên xã của thửa đất ông K trước khi chuyển nhượng có chiều rộng 34,7m; đo từ phần tiếp giáp thửa đất ông K với thửa đất ông C1 kéo ra mép đường liên thôn, rộng 42,66m.

Tại bản trích đo địa chính thửa đất ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Công ty TNHH đo đạc – Tư vấn Nông lâm nghiệp N (BL 154 + 155) thể hiện con đường liên thôn tiếp giáp với thửa đất của ông C, bà T có chiều rộng trung bình $8.33m$ [$(8,2m + 7.9m + 8,9m) : 3 = 8,33m$]; cạnh tiếp giáp đường liên xã của thửa đất ông K có chiều rộng 13,2m; thửa đất ông H, bà N rộng 10m; thửa đất ông C, bà T rộng 10m; đo từ phần tiếp giáp thửa đất ông K với thửa đất ông C1 kéo ra mép đường liên thôn, rộng 34,6m.

Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 105 và Điều 136 của Luật đất đai năm 2003;

- Căn cứ các điều 166 và 203 của Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Nhật K về việc buộc ông Lại Huy C, bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn H trả phần đất có diện tích $63m^2$.

Buộc ông Hoàng Văn H và bà Trương Thị N3 trả cho ông Phạm Nhật K số tiền 138.600.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng), tương đương với

diện tích 63m² đất tại thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, tứ cận: Đông giáp đất ông K, rộng 1,5m; Tây giáp đường liên xã, rộng 1,5m; Nam giáp đất ông K, dài 42m; Bắc giáp đất ông H, bà N3, dài 42m, thuộc một phần thửa đất số 21A, tờ bản đồ số 50).

Không buộc ông Lại Huy C, bà Nguyễn Thị T cùng ông Hoàng Văn H, bà Trương Thị N3 trả cho ông Phạm Nhật K phần đất có diện tích 63m².

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Hoặc) kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Văn H, bà Trương Thị N3 phải chịu 18.411.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và chi phí định giá tài sản. Trả lại cho ông Phạm Nhật K số tiền 18.411.000 đồng sau khi thu được của ông Hoàng Văn H, bà Trương Thị N3.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Văn H, bà Trương Thị N3 phải chịu 6.930.000 đồng.

- Trả lại cho ông Phạm Nhật K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu số AA/2017/0002397 ngày 11/01/2018.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 04/9/2019 nguyên đơn ông Phạm Nhật K kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm buộc ông H, bà N3 trả cho ông K giá trị đất lần chiếm theo giá thị trường là 756.000.000 đồng.

- Ngày 04/9/2019 bị đơn ông Hoàng Văn H và bà Trương Thị N3 kháng cáo đề nghị bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là ông Phạm Nhật K.

- Ngày 18/9/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Quyết định kháng nghị số 875/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ chưa khách quan.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Nhật K có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Tại phiên toà phúc thẩm bị đơn ông Hoàng Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị N3 giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông K, ông H, bà N3 và chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk

Lắc, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 22/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Krông Năng để giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét đơn khởi kiện, nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Nhật K, đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn H, bà Trương Thị N và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, thì thấy:

[1]. Năm 2004 ông Phạm Nhật K có chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn H, ông Lại Huy C diện tích đất 840m² (20m x 42m) tại thửa số 21 tờ bản đồ 50 có tứ cận: Đông và nam giáp đất còn lại của ông K, Bắc giáp đường đi liên thôn, tây giáp đường nhựa liên xã E, huyện K. Sau khi chuyển nhượng ông K đã giao đất vào tháng 7/2004 và ông H bà N3 (vợ) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 840m² vào năm 2007 và ngày 18/12/2007 làm thủ tục chuyển nhượng cho ông Lại Huy C, bà Nguyễn Thị T.

Căn cứ lời khai của ông K và ông Nguyễn Văn T1 thể hiện vào năm 2012 ông K chuyển nhượng số diện tích đất còn lại của ông K khoảng 9.560 m² cho ông T1 nhưng không tiến hành đo đạc cụ thể mà chỉ áng chừng chiều rộng mặt đường khoảng 15m, 16m. Hiện nay ông T đang sử dụng toàn bộ diện tích này và ông K không còn đất nữa. Nay ông T cho rằng ông K giao thiếu đất mặt đường nên ông K đã khởi kiện cho rằng ông H, ông C lấn đất của ông K.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã E, cán bộ địa chính xã cung cấp thông tin con đường hẻm liên thôn giáp thửa đất ông C, bà T nhận chuyển nhượng từ ông K có quy hoạch 12 m, đường liên xã là 20,8 m, đường sau nhà là 12 m từ năm 2000 cho đến nay.

Biên bản đo đạc kiểm tra thực địa ngày 11/12/2014 thì UBND xã E đã tiến hành đo đạc diện tích chiều dài đất của ông K và con đường liên thôn có kích thước 8,1m từ đất ông K đến nhà PT.

Xét thấy ông K đã chuyển nhượng đất cho ông H, bà N3 từ năm 2004 và ông H đã nhận đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sử dụng ổn định không có tranh chấp. Năm 2012 ông K chuyển nhượng đất số diện tích còn lại cho ông T1 nhưng không tiến hành đo đạc chiều rộng, chiều dài đất cụ thể mà chỉ áng chừng chiều rộng, chiều dài và hiện nay ông Tấn đang quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích này nhưng do thiếu đất nên ông T1, ông K cho rằng ông H, ông C, bà T, bà N3 lấn chiếm đất, do đó ông K khởi kiện yêu cầu ông H, ông C, bà T, bà N3 trả lại lấn chiếm đất là không có căn cứ. Bởi lẽ, hiện nay ông K đã chuyển nhượng hết toàn bộ diện tích đất của mình cho ông H, ông C, ông T1, còn việc ông chuyển nhượng cho ông T1 thiếu đất là do khi chuyển nhượng không đo đạc cụ thể từ năm 2012 là do lỗi và thiếu sót của ông T1, ông K. Năm 2014 các bên là ông K, ông H, ông C đã tiến hành bàn giao, có cắm mốc vị trí, ranh giới đất cụ thể có sự tham gia của Ban tự quản thôn, địa chính xã nên ông H, ông C đã xây dựng công trình nhà

ở, hàng rào kiên cố và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã E thể hiện tại biên bản hoà giải ở Ủy ban nhân dân xã (Bl số 26, 27) là ông H, ông C đã xây dựng công trình đúng vị trí đất đã mua của ông K và khi các bên bàn giao đất thì đã trừ phần đất mở rộng của con đường, đồng thời tại biên bản xác minh ở Ủy ban nhân dân xã E (Bl số 115) thể hiện trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân xã E đã trừ đi lộ giới quy hoạch của con đường.

Như vậy, việc ông T1 thiếu đất mà ông K cho rằng ông H, ông C lấn chiếm đất là không có cơ sở. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn để buộc ông Hoàng Văn H và bà Trương Thị N3 có trách nhiệm trả cho ông Phạm Nhật K số tiền 138.600.000 đồng tương đương với diện tích 63m² đất tại thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là không có căn cứ pháp luật nên cần sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn kháng cáo của ông H, bà N3; không chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của ông K, do đó không cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm mà cần chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bác đơn khởi kiện nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, cụ thể giá trị đất tranh chấp 138.600.000 đồng x 5% = 6.930.000 đồng. Tuy nhiên, do ông Phạm Nhật K thuộc diện người cao tuổi (80 tuổi) nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Khoan được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định;
- Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn H, bà Trương Thị N3 được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và chi phí đo đạc:

Do bác đơn khởi kiện nên nguyên đơn là ông K phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí đo đạc với số tiền là 18.411.000 đồng và được khấu trừ số tiền mà ông K đã nộp. Như vậy, ông K đã nộp xong số tiền này.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Nhật K;

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị N3;
- Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng;

Tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Nhật K về việc buộc ông Lại Huy C, bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn H phải trả phần đất có diện tích 63m² tại thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Đất có vị trí, tứ cận: Đông giáp đất ông K, rộng 1,5m; Tây giáp đường liên xã, rộng 1,5m; Nam giáp đất ông K, dài 42m; Bắc giáp đất ông H, bà N3, dài 42m, thuộc một phần thửa đất số 21A, tờ bản đồ số 50).

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Nhật K được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm;
- Hoàn trả lại cho ông Phạm Nhật K số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu số AA/2017/0002397 ngày 11/01/2018.
- Ông Hoàng Văn H, bà Trương Thị N3 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Phạm Nhật K được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm;
- Hoàn trả lại cho ông Phạm Nhật K số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu số AA/2019/0002626 ngày 06/9/2019 (Do ông Nguyễn Văn T1 nộp thay).
- Ông Hoàng Văn H, bà Trương Thị N3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;
- Hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn H, bà Trương Thị N3 mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông H, bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2019/0002628 ngày 09/9/2019 và tại biên lai thu số AA/2019/0002629 ngày 09/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và chi phí đo đạc:

Nguyên đơn ông Phạm Nhật K phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí đo đạc với số tiền là 18.411.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm mười một ngàn đồng) và được khấu trừ số tiền mà ông K đã nộp 18.411.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm mười một ngàn đồng). Ông K đã nộp xong số tiền này.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
-;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr